

BẢN THUYẾT MINH

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh “Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030”

I. CĂN CỨ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Sau gần 05 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 13/10/2020, Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới đã dần đi vào cuộc sống. Nhiều cơ sở sản xuất sau khi được nhận hỗ trợ đã tiếp tục đầu tư, mở rộng sản xuất và đạt kết quả cao về năng suất, giá trị nông sản, thể hiện sự hiệu quả của chính sách trong việc khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, thời gian thực hiện Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 13/10/2020 của HĐND tỉnh Hưng Yên (cũ), Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Bình (cũ) và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới thông qua các chương trình, đề án, dự án giai đoạn 2021-2025 đã sắp hết hiệu lực.

Mặt khác, thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; theo đó, thành lập tỉnh Hưng Yên (mới) trên cơ sở hợp nhất tỉnh Hưng Yên (cũ) và tỉnh Thái Bình (cũ); đòi hỏi cần phải có một chính sách mới, áp dụng chung cho cả tỉnh Hưng Yên mới sau khi hợp nhất đơn vị hành chính.

Nghị quyết số 587/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 về Kết quả giám sát việc tổ chức thực hiện của chính quyền địa phương trong thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 03/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có kiến nghị với UBND tỉnh: Thường xuyên rà soát, sơ kết đánh giá việc thực hiện Chương trình số 30-CTr/TU, đưa ra các giải pháp cụ thể thực hiện các chỉ tiêu còn yếu, phấn đấu hoàn thành 100% các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Chương trình số 30-CTr/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh. Chỉ đạo tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh, Chương trình đề án, kế hoạch nhiệm vụ của UBND tỉnh về phát triển nông nghiệp trong giai đoạn 2021-2025; đề xuất điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh trong thời gian tới, gắn với việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ngày 03/01/2025, UBND tỉnh ban hành Chương trình công tác số 02/Ctr-UBND về Chương trình công tác 6 tháng đầu năm 2025 của UBND tỉnh; theo

đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường được giao nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh đề xuất, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 – 2030.

Ngày 14/7/2025, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 165/UBND-NC về việc hướng dẫn áp dụng văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên sau 01/7/2025; theo đó, UBND chỉ đạo:

“1. Từ ngày 01/7/2025, các văn bản QPPL còn hiệu lực của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên và tỉnh Thái Bình tiếp tục được áp dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, tỉnh Thái Bình chưa hợp nhất cho đến khi UBND tỉnh Hưng Yên sau hợp nhất

a) Ban hành văn bản hành chính lựa chọn áp dụng văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên hoặc tỉnh Thái Bình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên sau hợp nhất.

b) Ban hành văn bản hành chính để bãi bỏ các văn bản của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên, tỉnh Thái Bình.

c) Ban hành văn bản QPPL mới để thay thế các văn bản của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên, tỉnh Thái Bình”

Do đó, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới thống nhất áp dụng giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên là rất cần thiết.

I. THUYẾT MINH MỘT SỐ NỘI DUNG DỰ THẢO

1. Tên Nghị quyết: Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030

1. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Các Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

3. Mức hỗ trợ: (Chi tiết theo Phụ lục thuyết minh kèm theo

PHỤ LỤC THUYẾT MINH MỨC HỖ TRỢ

TT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ từ NSNN	Thuyết minh
I	Chính sách hỗ trợ phát triển trồng trọt		
1	Hỗ trợ giống lúa	Hỗ trợ tối đa 50% giá giống theo giá thị trường, hỗ trợ tối đa 20% diện tích canh tác lúa trên địa bàn tỉnh	Áp dụng theo Điều 29, Nghị định 83/2018/NĐ-CP, ngày 24/5/2018; Thực hiện theo Điều 15, Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa
2	Hỗ trợ cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần	Căn cứ nguồn kinh phí được phân bổ; các định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ lập dự toán trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định làm cơ sở tổ chức thực hiện.	Thực hiện theo Điều 15, Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa
3	Hỗ trợ sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã	Căn cứ nguồn kinh phí được phân bổ; cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở tổ chức thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.	Thực hiện theo Điều 15, Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa
4	Hỗ trợ thuốc diệt chuột, hội nghị triển khai, thông tin, tuyên truyền về tổ chức diệt chuột tập	Hỗ trợ tối đa 100% giá thuốc chuột theo giá thị trường; 100% diện tích gieo cấy lúa.	

	trung ở vụ Xuân		
5	Hỗ trợ các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, các mô hình chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ	Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn, cấp chứng nhận VietGAP, hữu cơ; 50% kinh phí mua các loại phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học	Áp dụng theo Điều 29, Nghị định 83/2018/NĐ-CP, ngày 24/5/2018; Thực hiện theo Điều 15, Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa
6	Hỗ trợ các mô hình trình diễn các loại giống cây trồng, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật	Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống; 50% chi phí mua vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn	Áp dụng theo Điều 29, Nghị định 83/2018/NĐ-CP, ngày 24/5/2018; Thực hiện theo Điều 15, Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa
7	Chính sách “hỗ trợ phát triển sản xuất cây vụ đông”:	Hỗ trợ 50% kinh phí mua giống theo giá thị trường nhưng không quá 12 triệu đồng/ha	
8	Chính sách “hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai để liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm”:	Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thôn kinh phí thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân tích tụ, tập trung đất đai; mức hỗ trợ được tính theo diện tích đất tích tụ, tập trung cụ thể như sau: + Ủy ban nhân dân cấp xã được hỗ trợ 1,5 triệu đồng/ha. + Cơ sở thôn được hỗ trợ 1,5 triệu đồng/ha. - Hỗ trợ tổ chức, cá nhân có diện tích đất tích tụ tập trung (đứng tên, nhận góp ruộng, thuê ruộng, tích tụ) được hỗ trợ trong 3 năm đầu sản xuất. Mức hỗ trợ 03 triệu đồng/ha/năm. - Tổ chức, cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất để tổ chức, cá nhân khác tham gia	

		liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được hỗ trợ hằng năm với mức hỗ trợ 200 nghìn đồng/360m²/năm. Thời gian hỗ trợ bằng thời gian cho thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất. - Các bên tham gia liên kết được hưởng các chính sách theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính Phủ.”	
9	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn người dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, mang lại hiệu quả cao; định hướng chuyển đổi cây trồng nâng cao hiệu quả và giá trị trên đơn vị diện tích canh tác nhưng vẫn tuân thủ nghiêm chính sách bảo vệ đất trồng lúa.	Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn người dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, mang lại hiệu quả cao; định hướng chuyển đổi cây trồng nâng cao hiệu quả và giá trị trên đơn vị diện tích canh tác nhưng vẫn tuân thủ nghiêm chính sách bảo vệ đất trồng lúa.	
II Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi- thú y			
1	Hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi	- Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện xây dựng vùng trồng cây nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: đường trục chính nội đồng, thủy lợi, hệ thống tưới tiêu, điện, khu tập kết sản phẩm sau thu hoạch. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa không quá 05 tỷ đồng/dự án. - Hỗ trợ tổ chức, cá nhân chi phí mua vật tư, thiết bị thu gom, đóng gói, vận chuyển, sơ chế, chế biến, bảo quản phụ	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi

		phẩm công nghiệp, nông nghiệp làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đối với dự án có tổng công suất sản xuất thiết kế đạt tối thiểu 100.000 tấn/năm. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án. - Hỗ trợ tổ chức, cá nhân kinh phí mua thiết bị từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án. - Hỗ trợ tổ chức, cá nhân kinh phí mua bản quyền công nghệ từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 30 tấn/năm. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án. - Hỗ trợ tổ chức, cá nhân chi phí mua bồn bảo quản thức ăn chăn nuôi dạng hàng rời tại trang trại chăn nuôi quy mô vừa và lớn. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án. - Hỗ trợ tổ chức, cá nhân chi phí mua giống cây trồng làm cây thức ăn chăn nuôi đối với dự án có diện tích đất trồng tối thiểu 10 ha/dự án. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.	
2	Hỗ trợ phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi	- Hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí xây dựng kho lạnh bảo quản sản phẩm thịt gia súc, gia cầm; mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/kho lạnh. - Hỗ trợ không quá 30% tổng chi phí về quảng bá thương	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi

		hiệu sản phẩm; mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án. - Hỗ trợ không quá 30% tổng chi phí về đào tạo xây dựng chiến lược phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.	
3	Hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi	- Hỗ trợ bố trí quỹ đất để xây dựng cơ sở chăn nuôi cho những đối tượng di dời: căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về chính sách hỗ trợ di dời, quy hoạch tỉnh, vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã bố trí quỹ đất để xây dựng cơ sở chăn nuôi cho đối tượng được di dời theo quy định của pháp luật về đất đai. - Hỗ trợ không quá 50% chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ chăn nuôi theo diện tích chuồng trại hiện có của cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải di dời; mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/cơ sở. - Hỗ trợ không quá 50% chi phí di dời vật nuôi đến địa điểm mới phù hợp; mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở. - Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tháng lương cơ bản/người.	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi
4	Hỗ trợ phối giống nhân tạo đối với trâu, bò, lợn	- Hỗ trợ 100% chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; tối đa 03 liều tinh/lần có chữa đối với trâu, bò sữa và 02 liều tinh/lần có chữa đối với bò thịt. - Hỗ trợ 100% chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái; mức hỗ trợ tối đa 02 liều tinh/lần phối giống và tối đa 06 liều tinh/nái/năm. - Hỗ trợ chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi

		giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) theo chi phí thực tế tối đa 02 tháng lương cơ bản/người/khóa. - Hỗ trợ một lần không quá 30% chi phí mua bình chứa Nito lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); mức hỗ trợ tối đa không quá 05 triệu đồng/bình/người. - Hỗ trợ công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò), mức hỗ trợ tối đa không quá 300.000 đồng/con phối giống có chữa.	
5	Hỗ trợ mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ	- Hỗ trợ một lần không quá 30% giá trị mua một trong các đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu sao để phối giống, mức hỗ trợ tối đa như sau: 15 triệu đồng/đực giống đối với trâu, bò từ 12 tháng tuổi trở lên; 03 triệu đồng/đực giống đối với dê, cừu từ 06 tháng tuổi trở lên; 10 triệu đồng/đực giống đối với lợn từ 06 tháng tuổi trở lên và đã kết thúc kiểm tra năng suất cá thể; 10 triệu đồng/đực giống đối với hươu sao từ 06 tháng tuổi trở lên; không quá 02 con đực giống/hộ. - Hỗ trợ một lần không quá 30% giá trị mua một trong các loại gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ 01 ngày tuổi để nuôi sinh sản; mức hỗ trợ tối đa không quá 15.000 đồng/con; mỗi hộ chăn nuôi được hỗ trợ tối đa không quá 500 con gà hoặc 500 con vịt hoặc 500 con ngan giống cấp bố mẹ 01 ngày tuổi.	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi
6	Chính sách khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi	- Hỗ trợ không quá 50% giá trị sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm khuyến khích áp dụng để xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa như sau: 05 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi nông hộ); 50 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); 100 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô lớn). - Hỗ trợ không quá 50% giá trị công trình khí sinh học	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/08/2024 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi

		nhằm khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa như sau: 07 triệu đồng/công trình (chăn nuôi nông hộ); 300 triệu đồng/công trình (chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); 01 tỷ đồng/công trình (chăn nuôi trang trại quy mô lớn). - Hỗ trợ không quá 30% chi phí mua vật tư, thiết bị, chi phí xét nghiệm để khuyến khích thực hiện chăn nuôi theo tiêu chí an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh. Mức hỗ trợ tối đa như sau: 20 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi nông hộ); 50 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ); 70 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô vừa); 200 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô lớn).	
7	Hỗ trợ phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi Vietgahp đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường	- Hỗ trợ kinh phí áp dụng các biện pháp kỹ thuật cho các trang trại/cơ sở đáp ứng yêu cầu chăn nuôi an toàn sinh học, Vietgahp + Hỗ trợ kinh phí đánh giá và cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi Vietgahp an toàn sinh học (ATSH): Không quá 20 triệu/cơ sở, trang trại. + Hỗ trợ kinh phí khuyến khích các cơ sở, trang trại áp dụng hiệu quả quy trình chăn nuôi ATSH, chăn nuôi Vietgahp: Lợn nái, lợn đực giống: 500.000đ/con; Lợn thịt: 200.000đ/con; Gia cầm: 10.000đ/con. - Hỗ trợ kinh phí thực hiện mục tiêu phát triển chăn nuôi gia cầm, lợn an toàn sinh học, Vietgahp, chăn nuôi bò thịt cao sản: Lợn siêu nạc: 1.000.000đ/nái; Gà Đông tảo: 30.000đ/con; Đông tảo lai: 15.000đ/con; Gà/vịt hậu bị: 50.000đ/con; Bò cao sản: Bò lai sind x Brahman/Droughmaster: 3.000.000đ/con; Bò laisind x BBB/Angus/Charolais,...: 5.000.000đ/con; Tinh bò, tinh lợn: 100% kinh phí mua tinh. Hỗ trợ công giám định, bình	Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 26/03/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề án phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030

	tuyển: 40.000đ/con bò; 20.000đ/con lợn. - Hỗ trợ xây/lắp hầm biogas; đệm lót sinh học; máy ép rơm, cỏ; máy tách phân + Hỗ trợ xây dựng hầm Biogas: 4.000.000đ/hầm. + Công trình liên quan đến xử lý chất thải (Bể chứa, bể lắng,..): 500.000đ/m³ + Đệm lót gia cầm: 3.000đ/con. + Máy chế biến bảo quản rơm tối đa 30 triệu đồng/máy. + Giồng cỏ: 500.000đ/sào. + Máy tách phân: 30% giá trị máy tách phân (không quá 25 triệu đồng/máy). - Kinh phí tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: 150.000đ/người/ngày - Kinh phí quản lý không quá 5% tổng kinh phí được cấp (Phụ cấp công tác phí Ban quản lý, thuê tư vấn hỗ trợ kỹ thuật, giám sát, đánh giá, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, thăm quan học tập kinh nghiệm, thuê phương tiện....).	
--	--	--

8	Hỗ trợ vắc xin, công tiêm phòng, hóa chất khử trùng tiêu độc và vật tư phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm	- Kinh phí của tỉnh hỗ trợ: + Hỗ trợ vắc xin phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm gồm: Các loại vắc xin phòng các bệnh: Cúm gia cầm; Lở mồm long móng gia súc; dịch tả lợn; tai xanh ở lợn; tụ huyết trùng trâu bò; viêm da nổi cục trên trâu, bò; dại trên đàn chó. + Hóa chất khử trùng tiêu độc, vật tư, lấy mẫu giám sát lưu hành, sau tiêm phòng và các nội dung khác phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. - Kinh phí cấp xã hỗ trợ: (i) Tổ chức tiêm phòng và hỗ trợ tiền công tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm, trên địa bàn, định mức cụ thể như sau: + Mức hỗ trợ tiền công tiêm phòng đối với đàn lợn, dê: 3.000 đồng/1 con/lần tiêm + Mức hỗ trợ tiền công tiêm phòng đối với đàn trâu, bò: 6.000 đồng/1 con/lần tiêm. + Mức hỗ trợ tiền công tiêm phòng đối với đàn gia cầm (gà, vịt, ngan): 300 đồng/1 con/lần tiêm. (ii) Hỗ trợ tiền công phun hóa chất khử trùng, tiêu độc (tại Điều 7 Nghị định 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch động vật): + Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết. + Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000	- Luật Thú y; - Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Phụ Lục 07: Các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật phải phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin và giám sát định kỳ, theo Thông tư 07/2016/TT –BNNPTNT ngày 31/5/2016 - Quyết định số 2151/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt ‘Chương trình quốc gia phòng chống bệnh Đại, giai đoạn 2022-2030’ - Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục, giai đoạn 2022-2030” - Công điện số 31/CĐ-TTg ngày 04/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ: Về việc tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm - Xây dựng định mức hỗ trợ tiền công tăng lên 150% so với quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính
---	--	---	---

		đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.	phủ: số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 - Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; - Điều 7 Nghị định 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch động vật
--	--	---	---

9	- Hỗ trợ giám sát các bệnh truyền lây giữa động vật và người tại các cơ sở chăn nuôi gia súc giống, gia cầm giống, bò sữa	- Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện lấy mẫu, vật tư, phí xét nghiệm mẫu,...	- Luật Thú y; - Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Phụ Lục 07: Các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật phải phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin và giám sát định kỳ, theo Thông tư 07/2016/TT –BNNPTNT ngày 31/5/2016
10	Hỗ trợ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	+ Đối với các cơ sở an toàn dịch bệnh: - Các cơ sở an toàn dịch bệnh được hưởng các chính sách quy định tại Khoản 6, 7 Điều này - Hỗ trợ xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật lần đầu: Hỗ trợ 100% kinh phí xét nghiệm mẫu. - Hỗ trợ cơ sở duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh: Hỗ trợ 50% kinh phí xét nghiệm mẫu. - Hỗ trợ 100% kinh phí mua vắc xin phòng bệnh theo chương trình hỗ trợ của tỉnh + Đối với các vùng an toàn dịch bệnh đối với bệnh dại: - Hỗ trợ 100% kinh phí mua vắc xin phòng bệnh dại theo chương trình của tỉnh hàng năm - Hỗ trợ 100% kinh phí lấy mẫu giám sát dịch bệnh hàng năm - Hỗ trợ xây dựng vùng an toàn dịch bệnh đối với bệnh dại: 500.000đ/con trong năm đầu tiên hỗ trợ công tác quản lý, giám sát dịch bệnh, bao gồm: mua sắm vật tư, dụng cụ giám sát (rọ mõm, dây đeo cổ gắn chip, thiết bị quản lý....) - Kinh phí tập huấn, tuyên truyền: 150.000đ/người/ngày - Kinh phí quản lý không quá 5% tổng kinh phí được cấp (giám sát, đánh giá, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, thăm quan học tập kinh nghiệm, thuê phương tiện....).	- Luật Thú y; - Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016; - Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 25/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật và bảo đảm an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật, giai đoạn 2023-2030” - Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh.

11	Hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật	- Trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi; - Cừu, hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi; - Lợn: 40.000 đồng/kg hơi; - Gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu: 35.000 đồng/kg hơi; - Chim cút: 20.000 đồng/kg hơi; - Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi; - Trứng gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cút, đà điểu): 20.000 đồng/kg - Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết. - Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.	- Luật Thú y; - Nghị định 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật.
III	Chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản		
1	Hỗ trợ phát triển nuôi nuôi thủy sản trong ao bán nổi	Hỗ trợ 73 triệu/ha (tương đương 100% công đào đắp)	- Theo Quyết định 2342/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND của UBND tỉnh Hưng Yên đã có chính sách hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư. - Trong đó: Chi Phí xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản cho 01 ha nuôi ao bán nổi (công đào đắp, bạt lót bờ, cống cấp,

			thoát nước, máy quạt nước, đường điện): 350 triệu đồng/ha (hỗ trợ 30%: 100 triệu đồng) - Theo Khoản 2 Điều 6 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ: “2. Việc chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản thì được sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng nuôi trồng thủy sản với độ sâu không quá 120 cen-ti-mét so với mặt ruộng.” Như vậy tổng khối lượng đất đào đắp 01 ha là $2.400\text{m}^3 \times 30.735\text{đ}/\text{m}^3 = 73$ triệu đồng. Giá đào ao tính theo quy định tại Tiêu mục 8 phần I Mục 3 Quyết định 31/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024. (Hỗ trợ 100%). - Theo quy định tại Mục 3 Điều 13 Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018: Doanh nghiệp có dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô tối thiểu 05 ha trở lên được hỗ trợ 200 triệu đồng/ha để xây dựng hạ tầng, cấp nước, thoát nước, xử lý môi trường. Diện tích nuôi tăng lên mức hỗ trợ được tăng lên tương ứng. Mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/dự án. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và nhằm khuyến khích phát triển mô
--	--	--	--

			hình ao bán nổi phù hợp với điều kiện canh tác tại địa phương, Chi cục Biện và Thủy sản đề xuất cơ chế hỗ trợ 73 triệu đồng/ha (tương đương 100% chi phí đào đắp ao. Mức hỗ trợ này được xác định trên cơ sở định mức chi phí theo Quyết định 31/2024/QĐ-UBND, phù hợp với quy định chuyển đổi sử dụng đất theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP, đồng thời nằm trong khung hỗ trợ đầu tư theo Quyết định 2342/QĐ-UBND của tỉnh và không vượt giới hạn hỗ trợ quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP.
2	Hỗ trợ đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm, tổ chức khoa học công nghệ lĩnh vực giống thủy sản trên địa bàn tỉnh	- Hỗ trợ 100% kinh phí mua sắm máy móc thiết bị phòng thí nghiệm, tổ chức khoa học công nghệ lĩnh vực giống thủy sản, bao gồm: internet tích hợp hệ thống cảm biến AI quan trắc môi trường; thiết bị xử lý nước (UV, Ozone, nano); thiết bị phân tích môi trường, thiết bị xét nghiệm bệnh; thiết bị sản xuất thức ăn tươi sống (tảo, luân trùng); thiết bị chọn tạo giống; hệ thống nâng nhiệt; kính hiển vi; năng lượng mặt trời; xe nâng di chuyển (bố mẹ, giống, thức ăn). Mức hỗ trợ tối đa không quá 8,0 tỷ đồng/phòng thí nghiệm/tổ chức, cá nhân và không quá 800 triệu đồng/dự án đầu tư ương dưỡng ngao giống/tổ chức, cá nhân. - Hỗ trợ 100% kinh phí chuyển giao khoa học công nghệ nghiên cứu, chọn tạo giống thủy sản bố mẹ chất lượng cao; quy trình sinh sản nhân tạo giống ngao dầu bản địa; sản xuất, ương dưỡng ngao giống và các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao chưa chủ động sinh sản nhân tạo, cung ứng	- Khoản 2, Mục IV, Điều 1, Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Khoản 1, Mục II, Điều 1, Quyết định 985/QĐ-TTg ngày 16/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030. - Quyết định 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030.

		con giống cho nhu cầu nuôi trồng thủy sản trong tỉnh; quy trình sản xuất thức ăn tươi sống (vi tảo, luân trùng), lưu giữ và nhân sinh khối phục vụ sản xuất giống thủy sản quy mô hàng hóa. Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/hợp đồng chuyển giao.	- Mục a,b Khoản 1 Điều 9 Nghị định 57/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Thủ tướng Chính Phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
IV	Chính sách hỗ trợ chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm		
1	Hỗ trợ xây dựng, quản lý các chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối đảm bảo an toàn thực phẩm	a. Chính sách hỗ trợ triển khai các hội nghị đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết xây dựng, quản lý các chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm: (Hỗ trợ 100%)	
		b. Chính sách hỗ trợ khảo sát, đánh giá điều kiện sản xuất, phân tích mẫu phẩm; tư vấn, chứng nhận, duy trì thực hành sản xuất nông nghiệp tốt: VietGAP, VietGAHP, GlobGAP, Hữu cơ, HACCP, ISO (<i>Áp dụng chứng nhận cho 01 cơ sở/hộ</i>): Hỗ trợ 100% kinh phí.	
		c. Chính sách hỗ trợ hạ tầng, công nghệ phục vụ chuỗi từ sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm:	+ Hỗ trợ 40% kinh phí đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống nhà lưới, nhà màng, nhà kính;
			+ Hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước; Hệ thống đường điện hạ thế.
			+ Hỗ trợ 50% kinh phí hệ thống xử lý chất thải bảo vệ môi trường.
			+ Hỗ trợ 50% kinh phí công nghệ phục vụ sơ chế, chế biến, bảo quản... sản phẩm thực phẩm.
		+ Hỗ trợ 30% kinh phí máy móc, thiết bị, kết cấu hạ tầng phục vụ	Khoản 4, Điều 22, Nghị định 80/2021/NĐ-CP
			Khoản 1, Điều 8, Nghị định 98/2018/NĐ-CP

			sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm nông, lâm thủy sản và muối	
			+ Hỗ trợ 40% kinh phí chuyển giao công nghệ trong sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm thủy sản và muối.	Điểm d, Khoản 1, Điều 9, Nghị định 98/2018/NĐ-CP
		d. Chính sách hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng (<i>Áp dụng chứng nhận cho 01 đơn vị/hộ</i>).	+ Tư vấn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; Tư vấn xây dựng và ban hành hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thực phẩm; Chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng hàng hóa; Chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; Tư vấn, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm phù hợp theo quy định sản phẩm thực phẩm (Hỗ trợ 100% kinh phí).	Khoản 4, khoản 5 Điều 25, Mục 3, Nghị định 80/2021/NĐ-CP
			+ Nghiên cứu thử nghiệm phát triển sản phẩm, dịch vụ (Hỗ trợ 50%)	Điểm b, khoản 5, Điều 25, mục 3, Nghị định 80/2021/NĐ-CP
		e. Chính sách hỗ trợ phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm	+ Hỗ trợ 100% kinh phí túi, bao bì chứa sản phẩm; tem nhãn nhận diện sản phẩm; máy in tem quản lý, xây dựng logo, nhãn hiệu, xây dựng thương hiệu sản phẩm.	
			+ Hỗ trợ 100% chi phí các hình thức tuyên truyền như: Biển quảng	

			cáo mô hình, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.	
			+ Hỗ trợ 50% kinh phí đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế; Duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; Tư vấn giải pháp chuyển đổi số về quy trình sản xuất, quy trình công nghệ; Chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình sản xuất quy trình công nghệ;	
			+ Chi phí tham gia hội nghị triển lãm xúc tiến thương mại (<i>Hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/năm/đơn vị đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/đơn vị đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài</i>).	
		f. Chính sách hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.		
2	Hỗ trợ chuyển đổi số	a. Hỗ trợ 100% kinh phí vận hành, duy trì, phát triển, bảo	Theo quy định tại Thông tư số	

trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản: Duy trì và phát triển Hệ thống thông tin điện tử hy.check.net.vn truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối	mật Hệ thống thông tin điện tử hy.check.net.vn truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối.	17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Quyết định 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ
	b. Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng các hệ thống quản lý chất lượng như ISO 22000, HACCP hoặc tương đương; 100% kinh phí chứng nhận VietGAP, VietGAHP hoặc tương đương	Khoản 1, khoản 2 Điều 5 – QĐ 01/2012/QĐ-TTg
	c. Hỗ trợ 100% kinh phí triển khai các hội nghị đào tạo, tập huấn, tham quan, sơ kết, tổng kết xây dựng, quản lý các chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm.	Thông tư 40/2017/TT-BTC và TT12/2025/TT-BTC Khoản 2, Điều 29, Nghị định 83/2018/NĐ-CP
	d. Hỗ trợ kiểm soát điều kiện, chất lượng sản phẩm khi đơn vị tham gia hệ thống: (Hỗ trợ 100%)	Theo tình hình thực tế quy định tại các Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017, các TCVN về lấy mẫu đất, nước, thực phẩm... và các quy định hiện hành
	e. Hỗ trợ 100% kinh phí trang thiết bị vận hành hệ thống	Quyết định 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ
	f. Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm phù hợp theo quy định sản phẩm thực phẩm	Điểm c, khoản 4, Điều 25, Nghị định 80/2021/NĐ-CP
	g. Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng website quảng bá sản phẩm; 50% kinh phí tham gia hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại: tối đa 50 triệu đồng/năm/đơn vị đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/đơn vị đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài	Điểm đ, khoản 3, Điều 25, Nghị định 80/2021/NĐ-CP

		h. Hỗ trợ 5.000.000 đồng/tháng/người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (gồm các tổ chức chính trị - xã hội) từ trung ương đến cấp xã và lực lượng vũ trang (quân đội, công an, cơ yếu).		Điều 3, Nghị định 179/2025/NĐ-CP
		i. Hỗ trợ 100% kinh phí bao bì; tem nhãn nhận diện sản phẩm.		Điểm c, khoản 2, điều 1, Nghị quyết 199/2019/NQ-HĐND; Điểm c, khoản 2, Điều 12, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
3	Hỗ trợ chế biến và phát triển sản phẩm thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối	a. Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn, xây dựng ban hành quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến sản phẩm.		Thông tư 40/2017/TT-BTC và TT12/2025/TT-BTC
		b. Hỗ trợ 50% kinh phí công nghệ phục vụ sơ chế, chế biến, bảo quản... sản phẩm thực phẩm.		Khoản 4, Điều 22, Nghị định 80/2021/NĐ-CP
		c. Hỗ trợ 40% kinh phí chuyển giao công nghệ trong sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm thủy sản và muối.		Điểm d, Khoản 1, Điều 9, Nghị định 98/2018/NĐ-CP
		d. Chính sách hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng <i>(Áp dụng chứng nhận cho 01 đơn vị/hộ).</i>	+ Hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; Tư vấn xây dựng và ban hành hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thực phẩm; Chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng hàng hóa; Chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; Tư vấn, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm phù hợp theo quy định sản phẩm thực phẩm.	Khoản 4, khoản 5 Điều 25, Mục 3, Nghị định 80/2021/NĐ-CP

		+ Hỗ trợ 50% kinh phí nghiên cứu thử nghiệm phát triển sản phẩm, dịch vụ	Điểm b, khoản 5, Điều 25, mục 3, Nghị định 80/2021/NĐ-CP
4	Hỗ trợ phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu	- Hỗ trợ 100% kinh phí truyền thông, tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn về xúc tiến thương mại và Phát triển thị trường, các quy định của thị trường, tiêu chuẩn, điều kiện của các tổ chức xuất/nhập khẩu,...vv.	Thông tư 40/2017/TT-BTC và TT12/2025/TT-BTC
		- Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường về kết nối các sản phẩm thực phẩm an toàn.	Thông tư 40/2017/TT-BTC và TT12/2025/TT-BTC
		Hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm, diễn đàn và hoạt động xúc tiến thương mại của bộ, ngành, địa phương tổ chức trong và ngoài nước; (đối tượng: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã,...)	Điểm b, khoản 2, Điều 12, Nghị định 113/2024/NĐ-CP Điểm d, khoản 6. Nghị định 80/2021/NĐ-CP
		Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;; (Đối tượng: Doanh nghiệp vừa và nhỏ)	
		Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội chợ	
		- Hỗ trợ 100% kinh phí khảo sát thị trường, giao dịch với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước: đi lại, ăn ở, vận chuyển sản phẩm; tuyên truyền quảng bá mời doanh nghiệp đến đi giao thương hội thảo trưng bày giới thiệu sản phẩm.	Điều 9, điều 10, chương II quy chế ban hành kèm theo Quyết định 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 Điều 5, điều 6, TT171/2014/TT-BTC

		- Hỗ trợ khu vực bày, giới thiệu sản phẩm tại các điểm, trung tâm, giới thiệu sản phẩm, cổng thông tin điện tử, mạng thương mại điện tử, mạng internet, mạng viễn thông.	Điểm d, đ, khoản 2, Điều 11, Nghị định 113/2024/NĐ-CP= Điểm đ, khoản 2, Điều 12, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
		- Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng, triển khai, tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.	Điểm e, khoản 2, Điều 12, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
		- Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.	Điểm c, khoản 2, Điều 12, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
		- Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng và phát hành các ấn phẩm, tài liệu đào tạo, tập huấn, tư vấn nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.	Thông tư 40/2017/TT-BTC và TT12/2025/TT-BTC
		- Hỗ trợ kinh phí thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình thị trường	Thông tư 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính Thông tư 40/2017/TT-BTC và TT12/2025/TT-BTC
		- Triển khai các nội dung phát triển thị trường do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.	Điều 8 quy chế ban hành kèm theo Quyết định 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010
5	Hậu kiểm đánh giá chất lượng sản phẩm thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản, muối và nhóm ngành hàng được phân công, phân cấp quản lý	Hỗ trợ 100% kinh phí gồm: Tổ chức hội nghị, tọa đàm giá mỗi nguy, nguy cơ mất an toàn thực phẩm theo các nhóm ngành hàng; Đào tạo, tập huấn các cán bộ quản lý, công chức triển khai nghiệp vụ lấy mẫu, thẩm tra viên,...; Tổ chức các đoàn đột lấy mẫu đánh giá phân tích kiểm tra chất lượng sản phẩm (<i>mua mẫu, thuê xe bảo quản vận chuyển, thiết bị bảo quản, kinh phí phân tích,vv</i>); Thiết bị, máy móc bảo quản mẫu; các bộ test nhanh sản phẩm.	Nghị định 15/2018/NĐ-CP, Nghị định 115/2018/NĐ-CP
	Xây dựng, quản lý, phát triển các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp Hala, nông	a. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ (Hỗ trợ 100%).	+ Điểm c, Khoản 1, Điều 17 Nghị định 109/2018/NĐ-CP

nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao và các loại hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến	b. Hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí.		+ Điểm a, Khoản 1, Điều 17 Nghị định 109/2018/NĐ-CP
	c. Hỗ trợ 01 lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy định nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp Hala, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao và các loại hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến (cấp lần đầu hoặc cấp lại).		+ Điểm b, Khoản 1, Điều 17 Nghị định 109/2018/NĐ-CP
	d. Hỗ trợ 50% chi phí về giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng đối với mô hình chăn nuôi, thủy sản.		+ Điểm d, Khoản 1, Điều 17 Nghị định 109/2018/NĐ-CP + Điểm c, khoản 1, Điều 29, Nghị định 83/2018/NĐ-CP
	đ. đ. Chính sách hỗ trợ hạ tầng, công nghệ phục vụ chuỗi từ sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ	+ Hỗ trợ 40% kinh phí đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống nhà lưới, nhà màng, nhà kính;	Điểm d, khoản 1, Điều 29, Nghị định 83/2018/NĐ-CP
		+ Hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước; Hệ thống đường điện hạ thế.	Điểm a, khoản 2, Điều 5, Quyết định 01/2012/QĐ-TTg
		+ Hỗ trợ 50% kinh phí hệ thống xử lý chất thải bảo vệ môi trường.	
		+ Hỗ trợ 50%% kinh phí công nghệ (phục vụ sơ chế, chế biến, bảo quản... sản phẩm thực phẩm).	Khoản 4, Điều 20, Nghị định/80/2021/NĐ-CP
+ Hỗ trợ 30% kinh phí máy móc, thiết bị, kết cấu hạ tầng phục vụ		Khoản 1, Điều 8, Nghị định 98/2018/NĐ-CP	

			sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm nông, lâm thủy sản và muối.	
			+ Hỗ trợ 40% kinh phí chuyển giao công nghệ trong sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm nông lâm thủy sản và muối.	Điểm d, Khoản 1, Điều 9, Nghị định 98/2018/NĐ-CP
		e. e. Chính sách hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng (<i>Áp dụng chứng nhận cho 01 đơn vị/hộ</i>).	+ Tư vấn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; Tư vấn xây dựng và ban hành hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm thực phẩm; Chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng hàng hóa; Chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; Tư vấn, công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm phù hợp theo quy định sản phẩm thực phẩm (Hỗ trợ 100% kinh phí).	Khoản 4, khoản 5 Điều 25, Mục 3, Nghị định 80/2021/NĐ-CP
			+ Hỗ trợ gắn Nhãn xanh Việt Nam, thân thiện với môi trường. (Hỗ trợ 100% kinh phí).	+ Điểm e, khoản 2, Điều 16, Nghị định 109/2018/NĐ-CP + Khoản 1, Điều 5, TT41/2013/TT-BTNMT
			+ Nghiên cứu thử nghiệm phát triển sản phẩm, dịch vụ (Hỗ trợ 50%).	Điểm b, khoản 5, Điều 25, mục 3, Nghị định 80/2021/NĐ-CP
		f. Chính sách hỗ trợ	+ Hỗ trợ 100% kinh phí túi, bao	Điểm c, Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết 199/NQ-HĐND

		phát triển thị trường, quảng bá sản phẩm:	bì chứa sản phẩm; tem nhãn nhận diện sản phẩm; máy in tem quản lý, xây dựng logo, nhãn hiệu, xây dựng thương hiệu sản phẩm, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc.	Điểm c, khoản 2, Điều 12, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
			+ Hỗ trợ 100% chi phí các hình thức tuyên truyền như: Biển quảng cáo mô hình, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác.	Điểm c, khoản 2, Điều 1, NQ 199/2019/NQ-HĐND Khoản 4, Điều 10 quy chế ban hành kèm theo QDD/2010/QĐ-TTg
			+ Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng, triển khai, tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.	Điểm e, khoản 2, Điều 12, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
			+ Hỗ trợ 100% chi phí tham gia hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại.	Điểm b, khoản 2, Điều 12, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
			+ Hỗ trợ 100% chi phí thuê địa điểm và vận hành các điểm giới thiệu, bán sản phẩm tại các địa phương.	Điểm đ, khoản 2, Điều 12, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
		g. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi	+ Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn giải pháp chuyển đổi số đối với quy trình kinh doanh, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ.	Điểm a, khoản 2, Điều 11, Nghị định 113/2024/NĐ-CP

		số:	+ Hỗ trợ 100% chi phí thuê, mua giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ.	Điểm b, khoản 2, Điều 11, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
			+ Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn chuyển giao công nghệ.	Điểm c, khoản 2, Điều 11, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
			+ Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng trang thông tin điện tử.	Điểm đ, khoản 2, Điều 11, Nghị định 113/2024/NĐ-CP
7	Hỗ trợ thực hiện chương trình giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ	- Hỗ trợ 100% kinh phí thu thập thông tin, số liệu về vùng thu hoạch, xây dựng hoặc điều chỉnh kế hoạch lấy mẫu giám sát cho phù hợp với thực tế; - Hỗ trợ 100% kinh phí thống kê các cơ sở thu hoạch, làm sạch, nuôi lưu, thu mua, sơ chế, chế biến thuộc phạm vi quản lý của địa phương; - Hỗ trợ 100% kinh phí thuê phương tiện; công tác phí (trong giờ hành chính và ngoài giờ hành chính) cho người lấy mẫu; kinh phí mua mẫu; kinh phí mua trang bị bảo hộ, dụng cụ, thiết bị, hóa chất, VPP phục vụ lấy mẫu, bảo quản mẫu, gửi mẫu phân tích; - Hỗ trợ 100% chi kinh phí cho cán bộ kiểm soát thu hoạch tại hiện trường (ngoài giờ hành chính); - Hỗ trợ 100% kinh phí dự phòng lấy mẫu tăng cường khi có sự cố về an toàn thực phẩm		Điều 10, Điều 29 Thông tư 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Điều 8, Thông tư 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Điều 9, Thông tư 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư 40/2017/TT-BTC và Thông tư 12/2025/TT-BNNPTNT.

8	Hỗ trợ thực hiện chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi	- Hỗ trợ 100% kinh phí điều tra, thu thập thông tin, khảo sát tình hình nuôi trồng thủy sản: Giám sát tình hình nuôi trồng thủy sản; - Hỗ trợ 100% kinh phí thuê phương tiện; công tác phí (trong giờ hành chính và ngoài giờ hành chính) cho người lấy mẫu; kinh phí mua mẫu; trang bị bảo hộ, dụng cụ, thiết bị, hóa chất, VPP phục vụ lấy mẫu, bảo quản mẫu, gửi mẫu phân tích. - Hỗ trợ 100% kinh phí thẩm tra báo cáo khắc phục của cơ sở (nếu có); - Hỗ trợ 100% kinh phí thẩm tra việc thực hiện chương trình giám sát dư lượng (nếu có). - Hỗ trợ 100% kinh phí Vẽ bản đồ vùng nuôi được giám sát Chi phí khảo sát lập bản đồ vùng nuôi tại 2 vùng nuôi (gồm có khảo sát, vẽ bản đồ và in ấn, tỷ lệ bản đồ: A0 1/25000)	Khoản 1, Điều 8; khoản 1 Điều 9, Thông tư 31/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/10/2025; Khoản 3, Điều 9, Thông tư 31/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Điều 13, Thông tư 31/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Điều 14, điều 15, Thông tư 31/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/10/2025; Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 và Thông tư 12/2025/TT-BTN.
V	Chính sách hỗ trợ phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới		
1	Hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp	- Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bồi dưỡng, tập huấn ... - Hỗ trợ lương cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học làm việc tại các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; mức hỗ trợ hàng tháng bằng 02 lần mức lương tối thiểu vùng, trong thời gian 3 năm. - Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị: Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, khu xử lý chất thải, hệ thống điện, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, máy móc, thiết bị, công nghệ chuyển đổi số... - Hỗ trợ kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu sản xuất nông	- Điều 7, Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ. - Điểm đ, khoản 2, Điều 7, NĐ số 113/2025/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ. - Điều 6, Điều 13 Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ. - Điều 6, Điều 16 Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 12/9/2024

		ng nghiệp tập trung - Hỗ trợ phần chi phí kiểm toán mà HTX đã thực hiện thuê tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm trước liền kề trong trường hợp HTX quy mô siêu nhỏ và nhỏ được Nhà nước hỗ trợ với kinh phí hỗ trợ từ 3 tỷ đồng trở lên. Mức hỗ trợ tối đa 100% kinh phí kiểm toán. - Hỗ trợ nhân rộng mô hình HTX, liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả: tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến kinh nghiệm; tham quan, khảo sát; tư vấn, xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí nhân rộng mô hình. - Xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm: Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm; hỗ trợ việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hoá; kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm của các tổ chức kinh tế tập thể.	của Chính phủ. Điều 15, Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ Điều 10, Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ Điều 12, Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ
2	Hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại, gia trại	- Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực. - Phát triển kết cấu hạ tầng: Các khu, vùng trang trại, gia trại tập trung được nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, khu xử lý chất thải, hệ thống điện... theo quy định về đầu tư. - Phát triển trang trại hướng hữu cơ, hướng tuần hoàn, trang trại chuyển đổi số: Các chủ trang trại được hỗ trợ 100% chi phí đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phần mềm thực hiện ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số. - Xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm: Các chủ trang trại, gia trại được hỗ trợ 100% chi phí thiết kế nhãn hiệu hàng	Kế thừa chính sách tại Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt đề án phát triển kinh tế trang trại tỉnh Hưng Yên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

		hóa, mua sắm bao bì, tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị giao thương, kết nối cung cầu; tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.	
3	Hỗ trợ thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	- Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn ... nguồn nhân lực cho chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP được công nhận và chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP tiềm năng. - Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng: Các khu, vùng sản xuất sản phẩm OCOP được nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, khu xử lý chất thải, hệ thống điện... theo quy định về đầu tư. - Hỗ trợ phát triển sản phẩm tham gia Chương trình OCOP: Nhà nước hỗ trợ mua sắm, thiết bị, công nghệ, thu hoạch, bảo quản, chế biến..., tối đa 100% kinh phí thực hiện, không quá 01 tỷ đồng/chủ thể sản xuất. - Hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP; hỗ trợ hồ sơ tư vấn phát triển sản phẩm (bao gồm chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu sản phẩm, thuê chuyên gia tư vấn xây dựng đề án, kế hoạch, xây dựng câu chuyện sản phẩm); Hỗ trợ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong truyền thông; xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị sản phẩm OCOP; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói (chi thuê chuyên gia); Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu các sản phẩm OCOP; Hỗ trợ chi phí bao bì, in tem (mức hỗ trợ thực hiện theo hóa đơn thực tế và quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền); mức hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện.	Kế thừa điểm b, khoản 4, Điều 1, Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 về việc tiếp tục thực hiện đề án mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025. Đồng thời đề xuất nâng mức hỗ trợ cho giai đoạn tiếp theo. - Kế thừa Quyết định 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025. - Kế thừa Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

4	Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại	1. Hỗ trợ kinh phí cho các địa phương được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại để xây dựng công trình phúc lợi, mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất. - Hỗ trợ 05 tỷ/xã cho xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 10 tỷ/xã cho xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại để đầu tư xây dựng các công trình nông thôn mới, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. 2. Hỗ trợ kinh phí cho các địa phương tổ chức công bố, đón bằng công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại - Đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 100 triệu đồng/xã. - Đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại: 200 triệu đồng/xã.	- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy Hưng Yên về việc thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 04/10/2021 của Tỉnh ủy tỉnh Thái Bình về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng NTM, coi trọng xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030
5	Hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề	- Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn... nguồn nhân lực về phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn. - Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống: Hỗ trợ kinh phí trực tiếp quy định tại quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng. - Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị: Các khu, vùng sản xuất làng nghề được nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, khu xử lý chất thải, hệ thống điện... theo quy định về đầu tư. - Hỗ trợ thực hiện dự án phát triển ngành nghề nông thôn: Nhà nước hỗ trợ mua sắm, thiết bị, nguyên vật liệu... phục vụ sản xuất kinh doanh, tối đa 50% giá trị dự án làng nghề,	- Điều 11, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ - Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ - Khoản 2, Điều 14, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ - Điều 12, Nghị định số

		không quá 500 triệu đồng/dự án theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP. - Xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm: Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí thiết kế nhãn hiệu hàng hóa, mua sắm bao bì, tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị giao thương, kết nối cung cầu; tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.	52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ - Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ
VI	Hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp		
1	Hỗ trợ ứng dụng máy cấy vào trong sản xuất lúa	Hỗ trợ tối đa 30% vật tư và chi phí thuê máy, thuê khay trong quá trình sản xuất mạ khay, máy cấy. Quy mô: 300ha/năm	Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại Hội nghị lần thứ chín của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX về Chương trình thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Hưng Yên
2	Hỗ trợ phát triển các cơ sở sản xuất mạ khay, máy cấy phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Hỗ trợ 100% chi phí chuyển giao kỹ thuật; Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua khay gieo mạ; Hỗ trợ tối đa 30% chi phí xây dựng hệ thống tưới. Quy mô: 2-3 cơ sở/năm.	Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
3	Hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp	- Hỗ trợ 50% giá trị mua máy, thiết bị cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp; máy, thiết bị bảo quản, chế biến, đóng gói sản phẩm nông nghiệp tối đa không quá 150 triệu đồng/máy,	- Kế thừa Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về việc ban hành Quy

		thiết bị. - Hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bồi dưỡng, tập huấn an toàn, vệ sinh lao động cho người sản xuất trong vận hành máy nông nghiệp và ngành nghề nông thôn.	định về cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai; mua máy cấy, hệ thống thiết bị sấy phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021-2025. - Kế thừa Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 về việc tiếp tục thực hiện Dự án đẩy mạnh phát triển cơ giới hóa nông nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025 (hỗ trợ 30% giá trị máy móc, thiết bị; mức hỗ trợ tối đa không quá 75 triệu đồng/máy, thiết bị; đơn vị xây dựng chính sách đề xuất nâng tỷ lệ và mức hỗ trợ; thực hiện tuyên truyền, tập huấn cho giai đoạn tiếp theo.
VII Hỗ trợ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao			
1	Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp tại Hưng Yên	Hỗ trợ 100% chi phí chuyển giao kỹ thuật; Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua vật tư sản xuất và thuê máy bay phun thuốc. Quy mô: 120ha/năm	Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
2	Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăm sóc để nâng cao năng suất, chất lượng cây ăn quả tại tỉnh Hưng Yên	Xây dựng mô hình nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất; ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu: Hỗ trợ 100% chi phí chuyển giao kỹ thuật; Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua vật tư sản xuất và 30% chi phí xây dựng hệ thống sản xuất có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Quy mô: 15ha/năm	Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại Hội nghị lần thứ chín của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX về Chương trình thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến

			năm 2030, Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
3	Tăng cường khảo nghiệm, đánh giá các giống lúa mới nhằm chọn ra các giống lúa có triển vọng về năng suất và chất lượng để đưa vào sản xuất	Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống; 50% chi phí mua vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình; hỗ trợ 100% kinh phí tập huấn	Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại Hội nghị lần thứ chín của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX về Chương trình thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030
4	Ứng dụng phương pháp trồng nho trong nhà màng đơn giản	Hỗ trợ 100% chi phí chuyển giao kỹ thuật; Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua vật tư sản xuất và 30% chi phí xây dựng hệ nhà màng đơn giản. Quy mô: 02ha/nă	Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
5	Hỗ trợ sử dụng hệ thống phun thuốc bảo vệ thực vật-tưới dinh dưỡng tự động trong chăm sóc cây vải tại tỉnh Hưng Yên	Hỗ trợ 100% chi phí chuyển giao kỹ thuật; Hỗ trợ tối đa 30% chi phí mua vật tư sản xuất và 30% chi phí xây dựng hệ thống sản xuất có ứng dụng tiên bộ kỹ thuật. Quy mô: 5ha/năm	Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
6	Hỗ trợ kinh phí mua giống vật nuôi	Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống	Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại Hội nghị lần thứ chín của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX về Chương trình thực hiện tái cơ cấu lại

			ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030
7	Hỗ trợ kinh phí nuôi giữ giống vật nuôi	Hỗ trợ cấp bù kinh phí nuôi giữ giống vật nuôi	Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 và Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Hưng Yên
VIII	Hỗ trợ xây dựng và triển khai các đề án, dự án, mô hình, chương trình Khuyến nông		
1	Hỗ trợ xây dựng và triển khai các đề án, dự án, mô hình, chương trình Khuyến nông - Lĩnh vực chăn nuôi	Giống: Hỗ trợ các giống vật nuôi như: gà, vịt, ngan, đà điểu, trâu, bò, thỏ,.... Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí về giống Thiết bị, vật tư: Hỗ trợ các vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình như: Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, vacxin, hóa chất sát trùng pha loãng, chế phẩm sinh học..... Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí về thiết bị, vật tư thiết yếu Tập huấn, tổng kết: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, hội trường, khánh tiết và giải khát giữa giờ trong thời gian tham dự tập huấn, tổng kết các mô hình, dự án khuyến nông Quản lý, xăng xe và chi khác: Hỗ trợ cho đơn vị triển khai thực hiện mô hình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông tối đa 5% nguồn kinh phí giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác	Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về Khuyến nông; mục 4, Điều 9, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.
2	Hỗ trợ xây dựng và triển khai các đề án, dự án,	Giống: Hỗ trợ các giống thủy sản như: Trắm, chép, rô phi, điêu hồng, . Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí về	Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh

	mô hình, chương trình Khuyến nông - Lĩnh vực thủy sản	giống Thiết bị, vật tư: Hỗ trợ các vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình như: thức ăn, thuốc phòng trừ dịch bệnh, chế phẩm vi sinh, enzym,... Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí về thiết bị, vật tư thiết yếu Tập huấn, tổng kết: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, hội trường, khánh tiết và giải khát giữa giờ trong thời gian tham dự tập huấn, tổng kết các mô hình, dự án khuyến nông Quản lý, xăng xe và chi khác: Hỗ trợ cho đơn vị triển khai thực hiện mô hình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông tối đa 5% nguồn kinh phí giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác	Hưng Yên về việc ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về Khuyến nông; mục 4, Điều 9, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.
3	Hỗ trợ xây dựng và triển khai các đề án, dự án, mô hình, chương trình Khuyến nông - Lĩnh vực trồng trọt	Giống: Hỗ trợ các giống như: giống rau, củ, quả, giống hoa, giống nấm ... Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí về giống. Thiết bị, vật tư: Hỗ trợ các vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình như: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; nguyên liệu, cám và phụ gia, túi PE, nút, bông, chun, giàn giá, dụng cụ.... Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí về giống. Tập huấn, tổng kết: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, hội trường, khánh tiết và giải khát giữa giờ trong thời gian tham dự tập huấn, tổng kết các mô hình, dự án khuyến nông Quản lý, xăng xe và chi khác: Hỗ trợ cho đơn vị triển khai thực hiện mô hình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông tối đa 5% nguồn kinh phí giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác.	Quyết định số 3073/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành các định mức tạm thời áp dụng cho các chương trình, dự án khuyến nông, khuyến ngư; Quyết định 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương; Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về Khuyến

			nông; Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông
4	Hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo - lĩnh vực Khuyến nông:	Tập huấn về kỹ thuật sản xuất, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp, bồi dưỡng kiến thức về chính sách, pháp luật, thị trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại cho các đối tượng được hỗ trợ. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông	theo Điều 27, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về Khuyến nông. Mức chi tổ chức hội nghị theo Điều 13, Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 18/08/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc về việc ban hàng quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.
5	Hoạt động thông tin tuyên truyền- lĩnh vực khuyến nông	Tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và khuyến nông. Phổ biến quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp và hoạt động khuyến nông. Thông tin thị trường, giá cả nông sản, vật tư nông nghiệp, lịch nông vụ, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, dịch hại. Xây dựng mạng lưới thông tin truyền thông khuyến nông để tư vấn, chuyển giao công nghệ và tiếp nhận thông tin phản hồi từ thực tế sản xuất. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí xây dựng nội dung tuyên truyền khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản tạp chí, tài liệu, ấn phẩm khuyến nông, tổ chức sự kiện khuyến nông (hội nghị, hội thảo, hội thi,	Điều 28, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính Phủ về Khuyến nông.

		hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tọa đàm), xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông và các hình thức thông tin tuyên truyền khuyến nông khác	
IX	Hỗ trợ phát triển về lâm nghiệp, kiểm lâm và bảo tồn thiên nhiên		
1	Bảo vệ rừng hiện có của tỉnh	a) Đối tượng hỗ trợ: UBND xã có rừng; Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước; b) Điều kiện hỗ trợ: xã có diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê; ban quản lý được giao rừng theo quy định của Luật lâm nghiệp, Luật Đất đai. c) Định mức hỗ trợ: hỗ trợ 100% kinh phí bảo vệ rừng	Điều 24, 26, 102 Luật Lâm nghiệp; Điều 5, Điều 9 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp
2	Phục hồi rừng bị suy thoái, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	Phục hồi rừng bị suy thoái, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên (hàng năm): Căn cứ nguồn kinh phí được phân bổ; các định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ lập dự toán trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định làm cơ sở tổ chức thực hiện.	Điều 45, 46, 94 Luật lâm nghiệp 2017; Điều 73 Luật Đa dạng sinh học 2008; Điều 7, Điều 11 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp
3	Quản lý hai khu bảo tồn thiên nhiên	Tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn: Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học; - Điều tra cơ bản về đa dạng sinh học, chương trình dự án bảo tồn đa dạng sinh học: Theo các định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan	Điều 73 Luật Đa dạng sinh học 2008
4	Phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ, cứu hộ động vật hoang dã	Phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ, cứu hộ động vật hoang dã.	Điều 39, 94 Luật Lâm nghiệp; Điều 20 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp; Điều 25 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP

			ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp
5	Theo dõi diễn biến rừng; điều tra rừng; xây dựng phương án quản lý rừng bền vững	Theo dõi diễn biến rừng; điều tra rừng; xây dựng phương án quản lý rừng bền vững: Căn cứ nguồn kinh phí được phân bổ; các định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ lập dự toán trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định làm cơ sở tổ chức thực hiện.	Điều 27, Điều 33, Điều 35 Luật Lâm nghiệp 2017
6	Đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực tuyên truyền pháp luật, nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về lâm nghiệp, môi trường và bảo vệ các loài động vật hoang dã	Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực tuyên truyền pháp luật, nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về lâm nghiệp, môi trường và bảo vệ các loài động vật hoang dã	Điều 73 Luật Đa dạng sinh học 2008
7	Hỗ trợ phát triển sinh kế dưới tán rừng	a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân có các mô hình phát triển sinh kế dưới tán rừng. b) Định mức hỗ trợ: hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình sinh kế.	Điều 8 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp